

Trung Giang Ký Sự – kỳ 34

Hành Vân



Lan-nhã Kỳ Viên
Xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Lan-nhã Kỳ Viên, ấy là nơi tôi muốn đến trong lần đi vào hướng Thoại Sơn này. Nghe danh từ Thoại Sơn, lúc đầu tôi nghĩ nó có nghĩa là Núi tốt lành, tốt lành theo nghĩa là một linh địa. Không hiểu ngày xưa ai đã biết sự tốt lành của nó mà đặt ra tên gọi như thế? Mà người đặt tên cho núi đó cũng phải có uy tín trong cộng đồng thì mọi người mới chấp nhận và phổ biến cho một danh từ. Nhưng thật ra Thoại Sơn là tên do vua Gia Long đặt cho núi Sập, có nghĩa là Núi ông Thoại, về sau trở thành tên của địa phương này, còn núi lấy lại tên cũ. Ngoài Thoại Sơn còn có Thoại Hà, hai danh từ Núi ông Thoại và Sông ông Thoại này được vua Gia Long đặt vào năm 1818 để ghi khắc công lao lãnh đạo dân đào kênh nối liền Long Xuyên và Rạch Giá của quan trấn thủ xứ Vĩnh Thanh bấy giờ là ông Nguyễn Văn Thoại. Sau đó, dân địa phương còn phổ biến tên người hữu công với quê hương trong nhiều hình thức: chùa Thoại Sơn, làng Thoại Sơn, cầu Thoại Giang...

Còn Lan-nhã theo tôi hiểu là A-lan-nhã, một từ phiên âm Hán – Phạn. A-lan-nhã nghĩa là Không ồn náo, Không phiền nhiễu, chỉ chỗ ở tu hành của các nhà sư Phật giáo. A-lan-nhã như vậy đã tương đương với từ Tịnh xá, nên A-lan-nhã Kỳ Viên tức là Tịnh xá Kỳ Viên. A-lan-nhã nếu sửa thành Lan-nhã thì sẽ có nghĩa ngược lại.

Khởi hành từ Tịnh xá Ngọc Châu, khoảng 2 giờ rưỡi tôi đến Kỳ Viên. Xe lăn bánh đưa tôi vào một miền xanh mát. Từ lâu “Văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình”, hôm nay được tận mắt trông thấy, để xem nơi đây như thế nào.



Chánh điện cũ, phía sau là phòng khách.

Sau khi đã tham quan cảnh, tôi xin được gặp vị viện chủ nơi đây. Cô Phật tử mời tôi ngồi nơi phòng khách rồi đi thỉnh hòa thượng Giác Vạn. Tôi để giỏ xách trên ghế, đi vòng ngôi nhà xem cảnh. Có lẽ đây là tòa chánh điện, trước thờ Phật Thích-ca, sau thờ Tổ Minh Đăng Quang và đức Địa Tạng. Cửa trước trông ra một cây Bồ-đề rất to lớn, đường kính gốc phải hơn 2m, tàng xum xuê, thân có nhiều dây leo rậm rạp, mấy nhánh trên cao có vài tổ ong to trĩu mật. Quanh gốc cây Bồ-đề được đắp đất thành ụ, một vài rễ xòe ra trùm xuống, bên ngoài xây bao vòng tròn cao bốn tấc, mặt rộng cỡ 1m.



Cây Bồ-đề ở Lan-nhã Kỳ Viên.



Gốc cây rất lớn...

Hòa thượng Giác Vạn đi ra, tướng nhỏ nhắn, phong thái nhẹ nhàng, cặp chân mày trắng rử dài, gương mặt hiền hậu tỏa sáng. Ngài chỉ ghé bảo tôi ngồi, tôi thỉnh hòa thượng ngồi rồi quỳ đánh lễ. Hòa thượng hỏi:

– Sư ở đâu?

– Dạ, con ở Tịnh xá Ngọc Đức ngoài Long Thành.

– À, sư Quới còn ở đó không?

– Dạ, lúc con ra ở thì ông cụ đã đi đâu rồi.

Hòa thượng bảo tôi ngồi chỗ ghé đôi diện, tôi ngồi tránh một bên rồi hỏi:

– Bạch hòa thượng, sao trong nhà đây để dãy số: 1800 – 1969 – 1995 bên dưới tên LAN NHÃ KỲ VIÊN?

– Hồi xưa ngài Đoàn Minh Lữ em ngài Phật Thầy Đoàn Minh Huyền tu ở đây, có cất cái cốc ở tạm, dân trong vùng còn nhớ.

– Vậy năm 1969 hòa thượng về đây?

Hòa thượng gật đầu trả lời, ngài ít nhìn mặt người đối thoại. Tôi hỏi tiếp:

– Sao lại gọi Lan-nhã Kỳ Viên vậy hòa thượng? Phải là A-lan-nhã Kỳ Viên mới đúng chứ?

– Gọi vậy cho đúng phong thủy.

Thì ra là vậy, tôi hỏi chuyện khác:

– Cây Bồ-đề trồng năm nào mà to quá, hòa thượng?

– Năm 1960. Hồi đó ngài Narada mang qua Việt Nam bốn cây Bồ-đề, một trồng ở Bồ-đề Đạo tràng Châu Đốc, một trồng ở Vũng Tàu tại Thích-ca

Phật đài, một trồng ở chùa Vĩnh Tràng – Mỹ Tho, còn cây thứ tư yếu nhất, dân xin mang về đây trồng.

- Con thấy nó to gấp hai lần cây ở Bồ-đề Đạo tràng.
- Hồi đó nó yếu nhất.



Trên cao có vài tổ ong to trĩu mật...

Tôi lại hỏi:

- Con nghe nói hồi trước hòa thượng có gặp Tổ sư Minh Đăng Quang?

Hòa thượng đáp:

– Lúc ở Cái Côn – Đại Ngãi, tôi thấy một nhánh lá đi qua sông Tiên, gặp lúc Tổ sư đang dẫn mấy trưởng lão Giác Như, Giác Trụ, Giác Hải đi hành đạo. Ngài thấy tôi liền đưa tay vẫy lại. Tôi đến, Tổ hỏi thầy tôi là ai? Tôi nói tên, ngài bảo là biết ông đó, rồi phân tích cho tôi nghe về thần thông của Tiên và Phật. Đại ý Tổ nói thần thông của Tiên không bền, phải thường luyện mới còn, trong khi thần thông của Phật thì bền, chỉ cần một lần đạt được là còn mãi... Tôi cũng nghe vậy, nhưng sau đó lên núi Cấm tu tiếp.

Tôi hỏi liền:

- Năm đó hòa thượng bao nhiêu tuổi?
- Tôi 12 tuổi.
- 12 tuổi mà hòa thượng đã có thần thông đi qua sông cái trên một nhánh lá?
- Hễ tu thì được thôi.
- Vậy hòa thượng tu Tiên từ lúc nào?
- Từ lúc sáu tuổi.

Hòa thượng Giác Vạn im lặng một lát rồi kể tiếp, mắt vẫn nhìn xuống:

– Tôi sinh năm 1930. Mới sinh ra tôi cứ bệnh hoài, sáng, trưa, chiều lúc nào cũng bệnh. Có ông thầy bảo tôi không ở nhà được, hễ còn ở nhà là còn bệnh. Gia đình mới cho thầy mang tôi lên núi.

Tôi trình bày kiến thức của mình:

– Bạch hòa thượng, các ngài Giác Hải, Giác Trụ đều xuất gia từ năm 1951 về sau cả. Năm hòa thượng 12 tuổi là năm ngay Tổ sư còn chưa xuất gia, làm sao hòa thượng gặp được?

Hòa thượng Giác Vạn không giải thích, ngài kể:

– Hồi nhỏ tôi tu ở Tà-лон 12 năm, về Việt Nam lên núi Cẩm tu tiếp chín năm rồi xuống núi theo Pháp sư Giác Nhiên xuất gia vào năm 1960.

Tôi tính thầm: sáu tuổi bắt đầu tu Tiên, tu 12 năm mới xuống núi về Việt Nam, vậy gặp Tổ Minh Đăng Quang năm 18 tuổi chớ. Ngài sinh năm 1930, 18 tuổi là năm 1948, năm đó ngay ngài Giác Chánh còn chưa xuất gia theo Tổ, làm gì có mấy vị sau. Còn năm 1960 theo Pháp sư, thì chín năm trước là năm 1951, năm này ngài 21 chớ không phải 12 tuổi. Tính xong tôi hỏi tiếp:

– Dạ, xuất gia rồi hòa thượng xin về đây?

– Chưa, tôi theo giáo đoàn công quả làm tịnh xá suốt. Các tịnh xá Ngọc Hương, Ngọc Sơn, Pháp viện... tôi đều có làm. Hồi đó quý sư cực lắm: sáng đi bát, trưa thọ trai, chiều thuyết pháp, tối xây tịnh xá. Ở Ngọc Sơn, tôi, sư Cần, sư Tuệ làm dữ lắm... Năm 69 tôi về đây, các sư Châu, Tuệ, Toàn... cũng đều theo tu, sau biến cố Mậu Thân. Rồi các sư Tường, Ngô, Phúc, Hiệp... cũng đều có ghé cả. Sư Toàn viết *Suối Về Hoa Nghiêm* ngay tại đây.

– Vậy từ đó hòa thượng ở đây suốt đến giờ?

– Cũng chưa, cũng còn đi đây đó. Đến sau Giải phóng, nhà nước muốn lấy chỗ này, dân họ cản. Dân chỉ cây Bồ-đề và mấy cái cột nói khu này là chỗ mấy sư ở tu. Mấy ông bảo nếu muốn làm chỗ tu thì phải kêu được mấy sư về liền, bằng không họ lấy. Dân chúng mới lên Sài Gòn mời tôi về, nhập khẩu rồi là như mắc nợ, ít còn đi đâu được.

– Dạ. Hòa thượng xây chánh điện năm nào?

– Năm 1995.

– Còn tòa nhà lớn này, hòa thượng?

Tôi chỉ tòa nhà lớn ở giữa trung tâm tịnh xá hỏi, hòa thượng nói:

– Chánh điện mới đó, xây năm 2005.

– Dạ. Còn đài Quán Thế Âm, hòa thượng?

– Xây trước chánh điện mới, mà sau chánh điện cũ.

– Còn cái hồ lớn phía trước, hòa thượng?

– À, lấy đất làm nền chánh điện đó.



Hồ lớn nằm ở mặt tiền tịnh xá.
Thủy đình hình bát giác an vị tượng Bồ-tát Di-lặc.

Tôi nhận xét về điều kiện cơ sở vật chất của Lan-nhã Kỳ Viên:

– Con mới đến đây lần đầu, thấy cảnh này mở khóa tu của Hệ phái rất êm. Bạch hòa thượng có định đăng cai khóa tu của Hệ phái không?

Hòa thượng Giác Vạn vẫn nhìn xuống, đáp đơn giản:

– Chưa đủ duyên.

Tôi nhận xét tiếp:

– Con thấy có nhiều cốc, đều có người ở tu.

Hòa thượng Giác Vạn đáp:

– Ừ, có Tăng Ni, có cư sĩ, ai tu bao lâu thì tùy duyên, có cho nhập thất.

– Vậy hòa thượng đích thân dạy cho họ tu?

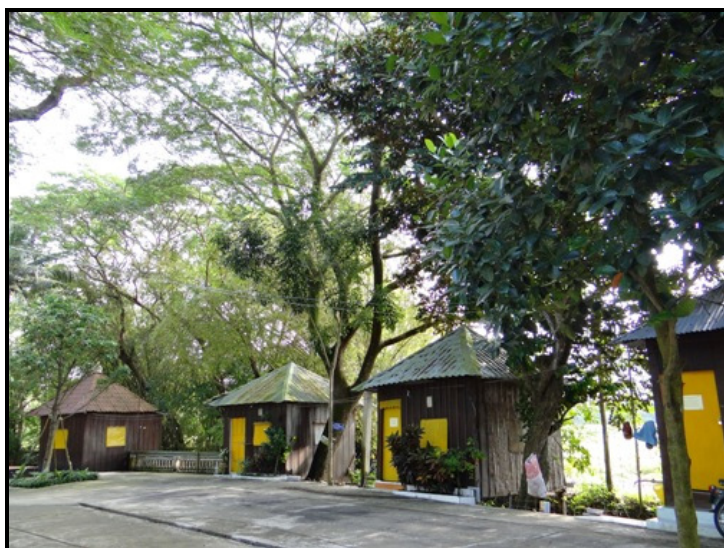
– Ai cần thì mình dạy.

– Hòa thượng chưa có phụ tá à?

– Không. Ở đây ai tu Mật tông, Thiền, hay Tịnh độ đều được.

– Hòa thượng Giác Hiệp có đến đây không, bạch hòa thượng?

– Có. Hòa thượng Hiệp đến đây dạy tham thoại đầu.



Các cốc am ở Kỳ Viên.

Tôi đổi đề tài:

– Bạch hòa thượng, con nghe nói hòa thượng thường đi Tà-lơn, vậy hòa thượng có biết Sóc Mệt không?

Ngài gật đầu. Tôi hỏi tiếp:

– Từ đây mình qua, đi đường nào bạch hòa thượng?

– Qua cửa Tịnh Biên, đón xe bốn chỗ đi Sóc Mệt, đi khoảng bốn tiếng thì đến.

– Vậy hòa thượng có biết chỗ Lò vôi của ông lục-tà Keo làm ăn khi xưa không?

– Hình như đó là chỗ 500 tượng Phật, gần chỗ ông cử Đa tu. Nghe mấy sãi Miên lớn tuổi nói lúc trước có mấy sư Khất sĩ tu ở đó ít năm rồi về.

– Chỗ đó xe tới được không, hòa thượng?

– Phải đi bộ thêm khoảng một ngày, nếu đi tắt thì nửa buổi. Nhưng bên đó bọn Miên đang đuổi người Việt mình về. Có mấy xe đi Tà-lơn ngõ Mộc Bài, giữa đường bị bọn Miên đập xe, phải bỏ chạy về.

Có lẽ hòa thượng không biết chỗ Lò vôi. Theo lời ông Bảy Đức và bà Út Mạn ở gần Tịnh xá Mộc Chơn kể thì nơi đó có bến sông thông với kênh Vĩnh Tế, từ bến sông đi bộ mấy cây số là tới Lò vôi. Có nhiều lò vôi lớn và dĩ nhiên vùng đó phải có nhiều núi đá vôi để khai thác. Qua những tấm hình chụp hòa thượng Giác Vạn treo trên vách tường, tôi biết được địa chất của Tà-lơn giống với Thất Sơn, không phải là núi đá vôi.

Khi tôi hỏi về Tà-lơn, hòa thượng nói nó lớn như hòn đảo Phú Quốc. Tôi nghĩ chắc ông cụ ở trên cao nhìn xuống mới thấy được toàn cảnh mà có sự so sánh đó.

Ngồi chơi thêm một lát rồi hòa thượng Giác Vạn hỏi tôi có nghỉ lại không? Tôi xin phép ở lại vài bữa, hòa thượng bảo tôi nghỉ cốc số 6, nhưng vì nơi đó đang trải sắt để mai đổ bê-tông nên ngài dẫn tôi ra mé hồ nghỉ. Đây là

cốc của một bác sĩ ở Bệnh viện Chợ Rẫy, chùm chìa khóa đề chữ “C. Yên”, nghe nói thỉnh thoảng người ấy ra đây thăm hòa thượng và ở lại tập tu.

Tôi vào cốc, cất giỏ, cởi bớt y thông thả rồi liền lấy vở ghi lược lại những điều vừa thấy nghe. Ghi xong tôi mang máy chụp hình đi một vòng tịnh xá.

Ở Lan-nhã Kỳ Viên, công trình cao to nhất, mang vẻ chủ lực của cả khu đất là tòa chánh điện mới. Tòa chánh điện này hình vuông, rộng 960m², bốn mặt y nhau, xây ba tầng, cao trên 15m. Khi vào trong, thật ra tòa nhà chỉ có hai tầng, một trệt và một lầu, còn tầng lầu thứ hai bên ngoài nhìn thấy chỉ có hành lang bao quanh thôi. Tầng trệt của tòa nhà được thiết kế làm giảng đường, tầng trên là chánh điện và cửu huyền. Nơi chánh điện tôn thờ tượng đức Phật Thích-ca tương đối lớn, được an trí quay mặt về phía Đông, tức là quay lưng lại mặt tiền của tịnh xá. Không gian trong chánh điện có nhiều cây đà bê-tông đưa ngang dọc phân cách. Chúng vốn là những đà dùng để kiềng các cột chính. Mấy cây đà bê-tông đưa ngang dọc này làm cho ta có cảm giác vướng víu, không đúng phong thủy cần có cho một Đại hùng bảo điện uy nghiêm, hùng vĩ, thiêng liêng, tôn kính.



Tòa chánh điện mới của Lan-nhã Kỳ Viên.

Bốn mặt tòa nhà này quay đúng bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, mỗi mặt đều có một cửa chính được che bằng một tiền sảnh đẹp. Thiết kế thì như vậy, nhưng thật dụng chỉ có hai cửa chính Bắc và chính Nam được sử dụng làm cửa ra vào. Cửa phía Nam trông ra đài Quan Âm, trên cửa có hàng chữ “TA TỪ ĐÂU ĐẾN, CHẾT VỀ ĐÂU?”. Cửa phía Bắc trông ra chánh điện cũ và cây Bồ-đề, trên cửa có hàng chữ “SỐNG LÀM ĐƯỢC GÌ, CHẾT ĐEM ĐƯỢC GÌ?”. Hai câu này hỏi thế nhân về quá khứ và tương lai của mỗi người, cùng hỏi về ý nghĩa của một cuộc sống làm người được giới hạn trong hai mốc SỐNG và CHẾT (*hiện tại*).



Hai cửa chính ở phía Bắc và phía Nam của tòa chánh điện.



Phật pháp dạy người về nhân quả ba đời, khác hơn thế gian chỉ biết về nhân quả hai đời quá khứ – hiện tại. Trong chuỗi nhân quả ba đời quá khứ – hiện tại – tương lai, Phật pháp chú trọng vào hiện tại, nhắc nhở người cố gắng chuyển hóa nghiệp lực, xây dựng chánh nhân cho chính mình. Với tinh thần đó, người Phật tử biết quá khứ mình ở đâu, làm gì... và chết rồi sẽ đi đâu, làm gì... cũng được, mà chỉ biết chung rằng nó chưa đi ra khỏi vòng luân hồi cũng được. Điều quan trọng trong cuộc sống làm người là **chuyển hóa nghiệp lực, xây dựng chánh nhân**, chứ không phải lo đi xem bói hoặc soi căn để thỏa trí tò mò rồi đầu cũng vào đó thì vô nghĩa. Đây là lý do đức Phật cấm đệ tử xem bói và mê tín vào những lời không biết lấy gì làm căn cứ của đa số thầy bói. Câu ở cửa phía Bắc đã nêu lên được một phần ý tưởng này.

Lang thang vạ kiếp luân hồi
 Tìm không gặp kẻ xây Ngôi nhà này
 Ôi, đời sống thật khổ thay
 Bèo tan chôn cũ, vắn xoay lối về!...

Ai đã xây cho ta một ngôi nhà Năm uẩn, để ta phải kéo lê cái bị thối này suốt kiếp nhân sinh? Ai đã làm việc kinh dị đó, đã tròng vào đầu ta một đồng thối xương máu mủ, để rồi ta quanh quẩn lo cho nó ăn, nó ngủ, ỉa đái, tắm rửa mỗi ngày, sinh con đẻ cái?... Khổ thay, cái pháp thân đâu có lắm chuyện phiền toái như thế! Mà mấy ai biết cảnh luân hồi? Luân hồi là bị động, là bị nghiệp kéo vào, là từ vườn Địa đàng bước ra chỗ Quỷ ma, là từ nơi Vô sanh đọa vào chỗ Sanh tử. Luân hồi hai chữ chỉ cảnh bánh xe (*luân*) quay tròn mãi (*hồi*), y như kẻ hết sanh rồi tử, tử rồi lại sanh, lần quẩn, tha hương châu chực ăn xin chút ít sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Khổ thay! Khổ thay!



Đài Quan Âm chụp từ phía bờ hồ, phía Tây.

Bảo tượng đại sĩ Quán Thế Âm nổi bật trong một khuôn viên lớn của tịnh xá. Tượng đài cao khoảng chục mét, thiết kế bốn lối đi lên từ bốn hướng, xen kẽ bốn rồng vàng, xanh, đỏ và xám châu quanh chân Bồ-tát.

Dưới đài sen có cái bệ tròn đắp nổi mây trời, đây là cơ quan di chuyển tượng. Nghe cô Hương Ngọc giới thiệu là chỉ cần hai người đứng hai bên dùng tay đẩy nhẹ cũng đủ làm cho tượng di chuyển, mỗi tháng quay tượng về hồ sen vào ba ngày mùng 9, 19 và 29 âm lịch để Phật tử cúng vía Quan Âm, còn lại các ngày khác đều quay tượng về phía chánh điện. Thiết kế này hay thật, chắc là sáng tạo độc quyền của Kỳ Viên. Hôm tôi mới đến nhằm ngày 19/9 âm lịch, lúc nắng chiều rọi thẳng mặt tượng tôi tranh thủ lấy máy chụp hình. Đến sáng hôm sau, khi đi vòng tìm hiểu tòa nhà chánh điện mới thì tôi phát hiện tượng đức Bồ-tát đang quay về phía mình! Tôi ngạc nhiên nghĩ rằng tượng có hai mặt à, sao hôm qua mình không thấy? Đến khi xem kỹ biết tượng quả thật chỉ có một mặt thì tôi lại nghĩ chắc hòa thượng Giác Vạn đang biểu diễn thần thông cho mọi người xem. Những ý nghĩ chợt đến thật buồn cười, khi hỏi thăm cô Hương Ngọc đang quét dọn và biết được sự thật rồi, tôi thâm cười cho sự nhanh nhẩu của mình.



Đài Quan Âm chụp từ tầng một chánh điện, từ phía Nam.

Lần đầu tiên viếng cảnh Kỳ Viên và nhất thời đối thoại với hòa thượng Giác Vạn, tôi thấy có mấy nhân vật cần tìm hiểu thêm là ba ngài Đoàn Minh Huyền, Đoàn Minh Lữ và ông cử Đa.

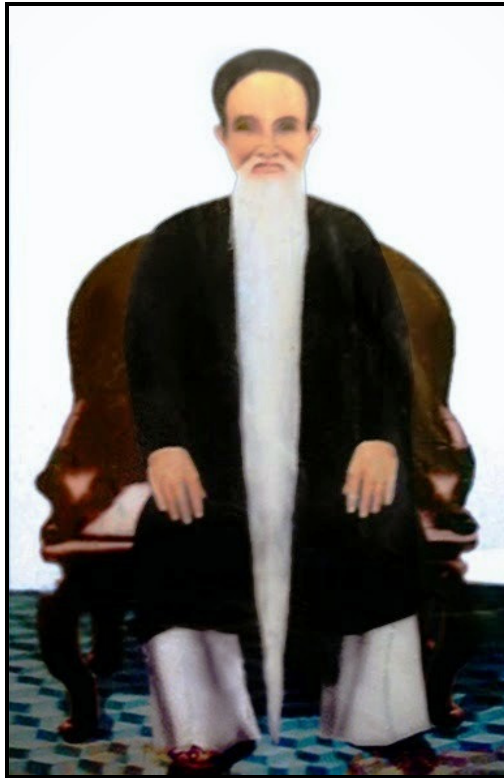
Ngài Đoàn Minh Huyền có đạo hiệu là Giác Linh, sinh năm 1807 ở Lấp Vò, thị tịch năm 1856 tại chùa Tây An ở núi Sam, Châu Đốc. Ngài là vị Tổ khai sáng đạo Bửu Sơn Kỳ Hương ở miền Nam bộ Việt Nam vào giữa thế kỷ XIX. Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương là một hình thức đạo Phật nhập thế để giáo hóa giới cư sĩ nông dân, chủ trương đường lối Tu nhân học Phật (*học Phật pháp và tu làm người*), đề cao bốn trọng ân của Tam Bảo, của cha mẹ, của tổ quốc và của chúng sanh vạn loại. Do sự linh diệu của ngài Đoàn Minh Huyền nên dân chúng mến mộ tôn kính là đức Phật Thầy Tây An. Mùa Thu năm 1849, làng Kiến Thạnh (ở *huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày nay*) xảy ra đại dịch tả, người chết rất nhiều. Lúc ấy ngài ra mặt, xưng là Phật Thầy, có thể chữa bệnh cứu người. Sau đó ngài dùng nước cúng cùng với bông cúng Phật trên bàn thờ cho người bệnh uống, dù bệnh tả hay bệnh nào cũng khỏi. Nhưng mỗi khi chữa bệnh giúp người, ngài luôn chỉ dạy cho đồng bào:

Dặn cùng già trẻ gái trai
Giữ lòng niệm Phật lâu dài đừng quên
Thảo nhơn nghĩa cho bền
Thờ cha kính mẹ, tưởng trên Phật Trời.
Nói cho lớn nhỏ ghi lời:
Nhất tâm niệm Phật, Phật Trời độ cho.

Còn Đoàn Minh Lữ ít ai biết, nhưng năm 1800 thì ông ta đã có mặt chưa, vì anh ông ta đến năm 1807 mới sanh? Và ông Đoàn Minh Lữ đi tu vào năm nào?

Về ông cử Đa, họ tên là Nguyễn Đa, đậu cử nhân võ của triều đình nhà Nguyễn. Giặc Pháp xâm lược Việt Nam, ông hết lòng tham gia các cuộc kháng Pháp của các nhà ái quốc ở khắp ba miền Bắc, Trung và Nam Việt, nhưng nơi nào ông cũng gặp thất bại. Túng đường ông vào vùng Thất Sơn ẩn náu hòng

mưu đồ phản kháng. Thế rồi tung tích bị lộ, quân Pháp truy đuổi đến nơi, ông trốn ra đảo Phú Quốc, sau đó về Hà Tiên chạy qua núi Tà-lơn phát tâm tâm sư học đạo. Tại non thiêng Tà-lơn, ông cử Đa được minh sư chân truyền, hiện đời thành Tiên, mang đạo hiệu Ngọc Thanh, thỉnh thoảng xuất hiện trong nhân gian truyền dạy lẽ thanh cao cho người hữu duyên. Ông cử Đa cuối đời gắn bó nhiều với núi Tà-lơn ở bên kia biên giới Việt Nam. Trong giới Tiên gia Việt Nam gần đây, ông cử Đa là người hữu danh hơn hết.



Ngài Phật Thầy Tây An, 1807 – 1856.
Tướng già cả, râu dài trắng xóa...

Nói về cảnh giới của Tiên thì cõi Tiên nằm trong cõi Dục, phước báo thấp hơn chư Thiên cõi Dục. Các vị Tiên thường ở các non, các đảo, chốn cao sơn, nhược thủy, bông lai... chỗ phạm nhân tục tử không đến được. Còn các vị Trời cõi Dục ở trên núi chúa Tu-di, giữa lưng núi là trời Tứ Thiên Vương, đánh núi là trời Đao-lợi, bốn tầng trời Dục giới kế tiếp nằm trên núi xa xa... Cũng có các vị thiên Tiên ở trên cõi trời, nhưng vẫn dưới quyền vua trời Đao-lợi là Ngọc hoàng Thượng đế.

Khác với pháp của Tiên gia, người muốn tiến vào Phật pháp phải qua cửa ải đầu tiên là Thân kiến – nhận thức về thân thể ta đang mang. Thông thường ai cũng cho rằng: Thân này là ta. Nhưng Phật pháp đã chỉ rõ: Thân này là một quả báo chính của ta trong khi đang luân hồi; cần nhận lấy cái pháp thân trùm khắp, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng thêm chẳng bớt, phải đem tâm mà ngộ, đem tâm mà chứng. Phá được Thân kiến sai lầm, người ta sẽ bắt đầu tiến bước trên Phật đạo, tùy căn cơ trình độ mà sự thành tựu sẽ mau hay chậm.

Như Lã Động Tân là một vị Tiên nổi danh ở Trung Quốc. Sau khi đắc đạo Tiên vào thời nhà Đường, ông ta trút được những nặng nề thô thiển của xác phàm thú, rong chơi khắp nơi. Đến thời nhà Tống, một ngày kia ông bay ngang núi Hoàng Long, thấy trên núi có áng mây tía (*tử vân*) hình lông che phủ đỉnh, nên biết có cao nhân sống nơi này. Bấy giờ Tiên ông bèn vào núi, gặp lúc hòa thượng chủ tọa ở Hoàng Long là thiền sư Huệ Nam đang thuyết pháp, Động Tân vào trong đám người dưới tòa dự thính. Biết có dị nhân mới đến, ngài Hoàng Long (*gọi theo tên núi*) bảo với chúng: “Có kẻ đến trộm pháp!”. Động Tân tiến ra thưa: “Bạch ngài, tôi không đến trộm pháp. Nay xin hỏi ngài có biết một hạt bụi chứa cả thế giới, nổi ba tác nầu thuốc Bất tử không?”. Hòa thượng đáp: “Ta không làm quý giữ thầy ma!”. Tiên gia vốn chủ trương luyện cho thân thịt này được sống hoài chẳng chết, cất mình bay khắp chốn sơn thủy hữu tình, nay bị một hòa thượng của nhà Phật ví là quý giữ xác, khiến Động Tân bỗng nhiên nổi giận, bèn rút gươm phóng tới. Hòa thượng Hoàng Long liền đưa tay chỉ, gươm đứng yên, không sao tiến hay lui được. Tiên Động Tân thấy vậy mới biết mình còn non kém, niềm cao ngạo của một kẻ phi phàm bị phá tan, chấp tay khiêm tốn xin cầu học chơn lý. Ngài hòa thượng khai thị: “Chẳng nói cái nổi ba tác nầu thuốc Bất tử, nay chỉ hỏi ông thế nào là một hạt bụi chứa cả thế giới?”. Hòa thượng đã không lý đến cái thân bất tử, mà trực chỉ tâm để đặt nghi vấn cho người học. Ngay lúc đó Tiên ông giác ngộ, nhận ra hạt bụi là cả thế giới, cũng là Tiên, cũng là Phật, cũng chẳng nề đầu trâu mặt ngựa! Ông ta đọc lên một bài kệ rồi bái tạ thiền sư Huệ Nam, cất mình bay đi:

Đập nát bầu rượu, bẻ gãy đàn
Tôi nay chẳng tiếc nước miếng vàng
Từ độ gặp được Hoàng Long ấy
Mới biết từ xưa quấy dụng tâm!

Hôm sau sư Minh Tâm lại ngồi chơi trước cốc tôi ở. Nghe tin tôi muốn đi qua Sóc Mệt bên Campuchia, sư Tâm cho biết thứ Bảy này sư Minh Tiến sẽ về Kỳ Viên rồi đi Tà-lơn với nhóm Phật tử ở đây đang đợi sư, mọi người tham quan Tà-lơn và ở tu trên đó ít bữa. Tôi bảo là đang tính đi với người biết tiếng Miên, mà đi gọn cho được việc chớ không đi cả đoàn. Sư Tâm cũng đồng ý.

Chiều 24 tôi tạ từ A-lan-nhã Kỳ Viên về lại Ngọc Châu. Tôi đi xe buýt cho biết cảnh sống bình dân với người ta, đi hai chuyến thì đến. Sư Minh Nghiêm đang đợi tôi. Khi tôi rửa mặt rồi dùng tạm ít gì đó, sư Nghiêm ngồi chơi kể bên kể tình hình mới liên lạc được cho tôi nghe. Sư bảo có mấy chú người Miên sẽ dẫn tôi đi, nếu tôi không biết chỗ thì họ sẵn sàng chở giáp tỉnh Tà-keo, đi xong việc mới thôi. Đi như thế tốn khảm tiền xe ôm, nên tôi bảo: “Chỗ đó là Sóc Mệt, đúng như vậy đó.”. Sư Nghiêm liền gọi điện thoại liên lạc, rồi sư nói họ biết chỗ đó, mai đi sớm cho kịp. Tôi đồng ý, sư Nghiêm cũng sẵn sàng, vậy là lần này làm luôn cho rồi một việc.

Thật ra rảnh rỗi một chút và cao hứng mà qua tận Sóc Mệt cho biết chơi, chớ địa danh đó có ý nghĩa gì với Đạo Phật Khất Sĩ đâu. Ví như ngài Minh Đăng Quang một đời hành đạo ắt là cũng đi đây đi đó, ở mỗi chỗ ít lâu tùy duyên, thì việc ngài đã ở Sóc Mệt cũng đâu có gì đặc biệt.

Ngày 25/10/2013, 5 giờ sáng sư Nghiêm gọi hai chiếc xe ôm chở tôi đi vào một xóm người Miên ở biên giới. Vào nhà người quen đã hẹn, sư Nghiêm giới thiệu tôi và chú Sok. Lúc 6 giờ chú Sok chở tôi đi, xuất phát từ xã An Cư của huyện Tịnh Biên, cách biên giới mấy cây số. Tới khoảng 7 giờ mới có người trực hải quan đóng dấu cho hộ chiếu của tôi, phần chú Sok chỉ cần đưa chứng minh ra cho xem là xong. Qua quan ải khoảng 3km chúng tôi mua bánh mì ăn sáng và đổi tiền Miên. Tôi đổi 300.000 đồng Việt Nam được 57.000 ría của Campuchia, đổi rồi tranh thủ hỏi chủ quán về Sóc Mẹt theo những mô tả mà tôi biết. Cuối cùng người chủ quán tốt bụng đã xác định đó là Tục-mia, khi xưa người Việt gọi là Sóc Mẹt, thuộc tỉnh Kam-pốt, đi xe khoảng một tiếng rưỡi thì đến.

Chúng tôi cảm tạ chú chủ quán người Việt tốt bụng rồi đi, lúc đó đúng 7 giờ rưỡi. Xe chạy mấy trăm mét thì chú Sok rẽ trái, chỗ đó là ngã ba, có một cây xăng. Từ đó đi miệt mài, qua hai lần rẽ phải và rẽ trái, qua một con đường đất rất dài nằm giữa những cánh đồng lúa và thôn xóm, đường đầy hang ổ xóc ghê gớm, mặt trời chiếu gắt sau lưng, đến đúng 9 giờ thì chúng tôi tới Tục-mia.

Dừng chân ngay ngã ba, chú Sok đốt thuốc hút và hỏi chuyện mấy ông xe ôm người Miên. Họ sôi nổi nói gì một lúc lâu tôi chẳng biết, khi tôi hỏi thì chú Sok bảo đây là Tục-mia rồi, nhưng chẳng ai biết Sóc Mẹt nào (*kể cả chú*). Thấy tôi cứ muốn tìm hiểu kỹ hơn, chú Sok đành chở tôi đi qua bên kia đường, ghé một tiệm sửa xe ô-tô cho tôi hỏi thăm. Trên cửa tiệm có bốn chữ Hán thông dụng “Xuất nhập bình an”, nên tôi nghĩ chắc đây là tiệm của người Việt gốc Hoa. Khi chú chủ tiệm dừng tay đứng lên, tôi chào hỏi ngay bằng tiếng Việt và hỏi thăm. Chú ấy khẳng định đây là Tục-mia, người Việt khi trước ở đây đông gọi với nhau là Sóc Mẹt, nay chỉ còn hăm mấy người Việt sống ở đây. Tôi hỏi về Lò vôi, chú ngẫm nghĩ rồi bảo chỉ có mấy cái lò hoang ở cách đây mấy cây số. Khi tôi nói đi tích này đã có cách đây hơn 68 năm, chú nói khi đó chú còn chưa sinh ra, nên chẳng biết có đúng không.

Đã lặn lội tới tận cái xứ quê mùa này rồi, còn tiếc gì mà không đến thăm mấy cái lò hoang đó. Chúng tôi đi thêm 4km đường nhựa, rẽ phải vào con đường đất nhỏ đi về phía những núi đá vôi. Cảnh không khác ở Ninh Bình, so với cảnh ở Hà Tiên thì khác, vì mật độ núi đá vôi của Hà Tiên không nhiều như ở đây. Ở đây núi đá vôi nằm rải rác mấy chục tòa, xen lẫn là những cánh đồng được khai thác trồng lúa, đậu, bắp. Vào sâu hơn thì đất bằng bị bỏ hoang. Ngang một dãy tường đá cao bên tay phải tôi bảo chú Sok dừng xe lại. **Phải, nó đây rồi¹**, cách ngã ba đường nhựa đúng 4km.

Tôi lấy máy mượn của sư Minh Thiên ra chụp hình, lúc đó trời âm u. Sau khi chụp toàn cảnh ở mấy góc, tôi chụp cận cảnh cửa lò, lại chụp cận cảnh bờ thành trên và leo lên triền núi chụp xéo xuống. Lò vôi đã hoang tàn, nhà cửa lều trại gì đó còn đâu nữa. Đã trải qua thời Pháp, thời Mỹ, Pôn-pốt và thời

¹ Sau này có một đọc giả Hà Nội hỏi tôi làm sao lúc đó biết nó chính là lò vôi cần tìm? Tôi rất thú vị với câu hỏi, chứng tỏ người ấy đã theo dõi kỹ từng chi tiết. Còn hỏi tại sao ư? Đúng lúc đó trong lòng tôi tự xác định chính là nó! Đó là trực giác, mà cũng có thể là chư thiên, chư hộ pháp đã tác động tới tôi.

Campuchia hiện nay, còn gì tồn tại ngoài một vách cửa lò xây bằng đá chẻ, dài khoảng 45m nằm trong đồng hoang.



Lò vôi ở Sóc Mẹt

Hoang phế, cây cỏ um tùm, nằm sát chân một núi đá vôi. Có tất cả 10 lò chứ không phải là 12 cái, mỗi lò rộng và cao cỡ 4m, chân vách tường cửa lò dày khoảng 1m. Nào ai nhớ gì về nhóm mấy trăm người Việt khi xưa ở đây khai thác đá vôi nữa. Một nhân vật lục-tà Keo lừng danh ư? Chẳng có một danh nhân đặc biệt như thế để người xứ này nhớ tưởng. Một chốn đặc biệt đã hun đúc chú bé Nguyễn Thành Đạt trở nên Đại đức Minh Đăng Quang của chư thiên và nhân loại ư? Lịch sử sẽ chẳng ghi nhận hồ đồ như thế!

Lên non tìm động hoa vàng
Tầm sư học đạo chốn Nam Vang thành
Cửa chùa có bậc tinh anh
Đã thông phép Thánh lại rành bùa Tiên...

Thi ca hay quá, nhưng đó là một câu chuyện của trí tưởng tượng tuyệt vời! Nhà thơ Trụ Vũ đã bay vút cao với những ngôn từ mỹ miều, diễn cảm, đẹp đẽ của mình. Tôi rất thông cảm với ngữ cảnh thơ mộng đó của các thi nhân!



Cửa lò vôi

Công lao tôi đi khoảng 100km từ Châu Đốc với sự hỗ trợ của sư Minh Nghiêm đã được kết quả là **Chẳng-đáng-gì**. Cái Chẳng-đáng-gì này vừa được xác nhận mức độ, thú thật là lúc khởi hành tôi không nghĩ nó đến mức đó. Đầu tiên là chỉ có vài người Việt ở Campuchia biết chỗ gọi là “Sóc Mệt”, kể đến là cái Lò vôi gì đó thời Pháp cũng chẳng ai biết nó ra làm sao, cuối cùng là cảnh hoang tàn của Lò vôi. Liên tưởng về quá khứ, tôi hình dung đến cảnh một đồn điền hay một khu mỏ trong thời Pháp cai trị Đông Dương, bọn Pháp chê chỗ đó khó gặm nên có một thầy bùa người Việt gốc Hoa lai Miên nhảy vào khai thác kiếm lời. Ông ta làm cách nào xử lý được “miếng xương” bọn Pháp đã nhả ra? Ông ta có nhiều tín đồ bốn đạo, mà họ đều đang trong tình thế trốn tránh chính quyền. **Thế là ông ta mở ra một cuộc làm ăn chứ không phải là lập đạo tràng tu học gì cả, dù là cũng có bày vẽ tu hành này kia!**

Về lại Việt Nam ngay trong chiều hôm đó, tôi nhờ chú Sok tìm một số hạt thốt-nốt để đem về Ngọc Đức trồng. May sao chú tìm cho được mười tám hạt đã lên mầm. Chuyến đi này ít ra thì cũng có một cái gì đó đem về từ miền biên giới Tịnh Biên.

Khoảng 10 ngày sau tôi rửa hình Lò vôi gửi cho chú Chín Oanh ở kế sau Tịnh xá Mộc Chơn, nhờ chú đưa giúp cho ông Bảy Đức xem. Đến khi điện thoại hỏi thăm, chú Chín Oanh kể là 68 năm rồi ông Bảy Đức không nhớ, nhưng khi nhìn hình cửa lò thì ông xác nhận là đúng. Mọi chuyện như vậy đó...
